

Số: /QĐ-TCĐKTCN

Sơn La, ngày 27 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SƠN LA

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-LĐTBXH ngày 07/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La trên cơ sở đổi tên từ trường Cao đẳng nghề Sơn La;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT - BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-TCĐKTCN ngày 12/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động; Quyết định số 46/QĐ-TCĐKTCN ngày 22/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức, hoạt động;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng của Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La gồm 05 chương, 13 điều (có quy chế đào tạo đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Áp dụng với các lớp đào tạo lái xe khai giảng sau ngày 01/01/2025.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính - Quản trị các phòng, khoa liên quan, giảng viên, giáo viên, học viên tham gia giảng dạy và học tập lái xe mô tô hạng A1, ô tô các hạng tại nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các phòng, khoa;
- Đăng Website trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

QUY CHẾ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐKTCN ngày 27/02/2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La)

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác tuyển sinh, công tác quản lý đào tạo, Quy chế kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với viên chức, nhân viên, người lao động và học viên học lái xe mô tô, ô tô các hạng tại trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La.

CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH

ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

Điều 3. Thời gian, đối tượng, hình thức, hạng GPLX, phạm vi tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh liên tục trong năm.
2. Đối tượng tuyển sinh:
 - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam có độ tuổi đúng quy định của từng hạng giấy phép lái xe;
 - Có đủ sức khỏe để học lái xe theo quy định đối với từng hạng xe.
3. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển
4. Hạng GPLX: Nhà trường thực hiện tuyển sinh đào tạo theo lưu lượng các hạng GPLX được sở GTVT tỉnh Sơn La cấp phép.
5. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

Điều 4. Quy trình tuyển sinh

Thực hiện theo các bước sau đây:

1. Nhà trường thông báo kế hoạch tuyển sinh lái xe các hạng đào tạo lên bảng tin, qua Website hoặc qua các kênh thông tin tại đại chúng cho người học có nhu cầu học lái xe được biết về: khoá sắp đào tạo, thời gian đào tạo, thời gian nhận hồ sơ, thời gian khai giảng, học phí.
2. Người có nhu cầu học nhận được thông tin, đến nhà trường làm thủ tục, nộp hồ sơ. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ học viên học lái xe; chụp ảnh học viên lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; rà soát thông tin học viên; Trong quá trình nhận hồ sơ và nhập dữ liệu, nhân viên tiếp nhận rà soát hồ sơ, nếu phát hiện sai, thiếu... thông báo cho người học bổ sung đầy đủ.

3. Người học khi đến nhập học phải ký hợp đồng đào tạo, đóng học phí cho nhà trường (tại Phòng Tài chính - Kế hoạch) theo mức quy định đã niêm yết đối với từng hạng xe bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt và nhận biên lai thu tiền học phí (tối thiểu 50% học phí trước khi mở lớp, 50% còn lại đóng trong thời gian theo học).

4. Học viên phải ký thanh lý hợp đồng sau khi hoàn thành khóa học.

Điều 5. Điều kiện của người học lái xe

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam;

2. Tuổi của người học lái xe (tính đến thời điểm dự sát hạch)

a) Người đủ 18 tuổi trở lên (*tính đến ngày dự sát hạch*) được học để sát hạch cấp Giấy phép lái xe hạng A1, B, C1;

b) Người đủ 21 trở lên (*tính đến ngày dự sát hạch*) được học để sát hạch cấp Giấy phép lái xe C;

c) Người đủ 24 trở lên (*tính đến ngày dự sát hạch*) được học để sát hạch cấp Giấy phép lái xe D1;

2. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe còn hiệu lực, phải có đủ thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên cho các hạng giấy phép lái xe: Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, C1 lên D1, C lên D1;

Người học nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D1 phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên.

3. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định;

4. Người học lái xe phải thực hiện ký hợp đồng trước khi tổ chức khóa đào tạo và đóng học phí theo quy định.

Điều 6: Hồ sơ học lái xe.

1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại Phòng đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 35/2024/BGTVT;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).

c) 02 ảnh màu 3x4.

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại Phòng đào tạo và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; ký hợp đồng, đóng học phí theo quy định. Hồ sơ bao gồm:

- a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1 (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);
- c) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư 35/2024/BGTVT.

Chương 3: QUẢN LÝ ĐÀO TẠO LÁI XE

Điều 7. Nhập học, mở lớp, khai giảng, quản lý lớp học

1. Phòng Đào tạo, tổng hợp danh sách học viên, căn cứ điều kiện thực tế tham mưu cho Ban giám hiệu quyết định thành lập lớp, báo cáo đăng ký sát hạch gửi Sở giao thông vận tải theo quy định; xây dựng Kế hoạch đào tạo.
2. Khoa Cơ khí động lực - Vận hành ô tô - Máy thi công đề xuất danh sách giáo viên chủ nhiệm làm công tác quản lý lớp học, Phòng Tổ chức - hành chính tham mưu cho Ban Giám hiệu ban hành Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm lớp.
3. Khoa Cơ khí động lực - Vận hành ô tô - Máy thi công có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, kế hoạch học tập toàn khóa cho học viên.
4. Phòng Đào tạo phối hợp với khoa Cơ khí động lực - Vận hành ô tô - Máy thi công phân công giảng viên, giáo viên giảng dạy lý thuyết, thực hành.

Điều 8. Tổ chức đào tạo

1. Hình thức đào tạo

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1:
 - a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tự học các môn lý thuyết theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe hoặc theo hình thức học tập trung;
 - b) Đối với nội dung thực hành lái xe: theo hình thức tập trung.
2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1, nâng hạng được đào tạo:
 - a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định. Căn cứ vào điều kiện thực tế nhà trường tổ chức cho học viên học tập một trong các hình thức học sau: tập trung tại trường hoặc đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;
 - b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: Theo hình thức tập trung.

2. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

a. Đối với hạng A1

SỐ TT	Nội dung	Đơn Vị tính	Thời lượng	Ghi chú
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	
2	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	
3	Số giờ học thực hành lái xe/học viên	giờ	2	
	Tổng	giờ	12	

b. Đối với hạng B, C1

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		Hạng C1
			Hạng B		
			Học xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyển số cơ khí (số sàn)	
I. Đào tạo Lý thuyết		giờ	136	152	152
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	18	18
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	16	16
4	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (04 giờ)	giờ	4	4	4
5	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20
6	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4

II. Đào tạo thực hành		giờ	67	83	93
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	41	41	43
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	24	40	48
3	Số giờ thực hành trên ca bin học lái xe ô tô/01 học viên	giờ	2	2	2
4	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	1.000	1.100	1.100
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	290	290	275
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	710	810	825
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	203	235	245

c. Đối với đào tạo nâng hạng

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			B lên C1	B lên D1	C1 lên D1	C lên D1
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	20	48	24	20
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	8	20	10	8
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	8	4	4
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	14	5	3
4	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (04	giờ	4	4	4	4

	giờ)					
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	2	1	1
II. Đào tạo thực hành		giờ	9	27	14	9
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	12	6	4
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	15	8	5
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 01 học viên	km	120	380	190	120
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	15	52	26	15
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	105	328	164	105
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	29	75	38	29

3. Tổ chức khóa đào tạo

a. Đối với đào tạo lái xe mô tô A1

Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo đảm bảo tổng thời gian khóa đào tạo không quá 10 ngày. Báo cáo đăng ký sát hạch trước kỳ sát hạch tối thiểu 04 ngày làm việc theo quy định.

b. Đào tạo lái xe ô tô hạng B, C1

- Phòng Đào tạo căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng kế hoạch đào tạo cho khóa học đảm bảo tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày;

- Số học viên học thực hành lái xe được quy định cho một xe tập lái: hạng B không quá 05 học viên, hạng C1 không quá 08 học viên; trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

c. Đào tạo nâng hạng

- Phòng Đào tạo căn cứ các nội dung gồm: khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo; thời gian ôn tập, kiểm tra hết môn và nghỉ lễ, Tết để xây dựng kế hoạch đào tạo cho khóa học đảm bảo tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 60 ngày;

- Số học viên học thực hành lái xe được quy định cho một xe tập lái: B lên C1, không quá 08 học viên; B lên D1, C1 lên D1, C lên D1 không quá 10 học viên; trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

4. Bảo lưu kết quả học tập, thôi học, buộc thôi học

a. Bảo lưu kết quả học tập

- Khi kết thúc khóa học mà học viên chưa đủ điều kiện xét hoàn thành khóa đào tạo thì được bảo lưu kết quả học tập; Thời gian bảo lưu kết quả học tập là 01 năm tính từ thời điểm xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu; Giáo viên được phân công trực tiếp giảng dạy có trách nhiệm tổ chức dạy bổ sung cho học viên hoàn thành các nội dung đào tạo đến khi học viên được xét hoàn thành khóa đào tạo; Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày nhà trường tổ chức xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu mà học viên không đủ điều kiện để được xét hoàn thành khóa đào tạo thì học viên phải được đào tạo lại theo khóa đào tạo mới.

- Trường hợp học viên chưa học nội dung thực hành, học viên phải làm đơn xin bảo lưu kết quả học tập, Phòng Tài chính - Kế hoạch làm thủ tục cắt, chuyển nhiên liệu cho học viên học tập vào khóa học sau;

- Trường hợp học viên đã học thực hành và sử dụng hết lượng nhiên liệu được cấp mà chưa hoàn thành khóa học thì phần nhiên liệu phụ trội để hoàn thành khóa học do học viên tự túc;

- Trường hợp học viên chưa sử dụng hết lượng nhiên liệu được cấp thì phần nhiên liệu còn lại sẽ do giáo viên trực tiếp giảng dạy bảo quản để giảng dạy cho học viên đến khi hoàn thành khóa học;

b. Thôi học, xóa tên khỏi danh sách lớp

- Học viên có nguyện vọng thôi học được nhà trường xem xét cho thôi học theo nguyện vọng cá nhân. Học viên phải nộp học phí tính đến ngày xin thôi học; Phòng Tài chính kế hoạch tính toán, thu học phí theo quy định;

- Xóa tên học viên khỏi danh sách lớp trong trường hợp học viên mất do bệnh tật, tai nạn....Phòng Tài chính Kế hoạch tính toán, trả lại phần tiền học phí còn dư (nếu có) cho gia đình học viên theo quy định.

c. Buộc thôi học

Người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đã hết thời gian được bảo lưu kết quả để hoàn thành chương trình đào tạo.
- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.
- Học viên không hoàn trả học phí cho học viên bị buộc thôi học

5. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chi tiết được xây dựng đảm bảo đúng nội dung, quy định theo chương trình khung đào tạo lái xe của Bộ Giao thông - Vận tải quy định;

Phòng Đào tạo tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo đúng nội dung, quy trình của Bộ Giao thông - Vận tải;

Điều 9. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo

1. Giáo trình đào tạo được nhà trường biên soạn phù hợp với nội dung, chương trình khung đào tạo lái xe của Bộ Giao thông - Vận tải quy định; Phòng Đào tạo tham mưu cho Ban giám hiệu xây dựng giáo trình đào tạo đảm bảo đúng nội dung, quy trình của Bộ Giao thông - Vận tải;

2. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với đào tạo lái xe mô tô hạng A1 bao gồm:

- a) Báo cáo đăng ký sát hạch (theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT);
- b) Sổ tay giáo viên (theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT).

3. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với đào tạo lái xe ô tô bao gồm:

- a) Hồ sơ của giáo viên

Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT

- b) Hồ sơ, tài liệu đào tạo

- Báo cáo đăng ký sát hạch (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT);

- Kế hoạch đào tạo (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT);

- Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT;

- Tiến độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT;

- Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT;

- Sổ theo dõi học viên xét hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 35/2024 BGTVT.

- Dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường và dữ liệu học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô của học viên.

c. Thời hạn lưu trữ

a) Không thời hạn đối với sổ theo dõi học viên hoàn thành khóa đào tạo; phương án hoạt động của cơ sở đào tạo lái xe mô tô hạng A1;

b) 03 năm đối với: hồ sơ kiểm tra hoàn thành khóa học, dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô, dữ liệu thời gian học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô, dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên, dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết đối với hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện lưu trữ điện tử, các tài liệu (Báo cáo đăng ký sát hạch, Sổ tay giáo viên, Kế hoạch đào tạo, Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy)

**Chương 4 QUY CHẾ KỂM TRA,
XÉT CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO**

Điều 10. Kiểm tra trong quá trình đào tạo

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập: kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bằng các hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp các hình thức; thời gian không quá 45 phút, số lần kiểm tra, nội dung kiểm tra do giáo viên trực tiếp giảng dạy quyết định;

Kết quả kiểm tra trong quá trình học làm cơ sở để giáo viên để chuẩn bị nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp.

Điều 11. Kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo

1. Kiểm tra các môn học lý thuyết và học thực hành tại trường để được xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm:

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học: pháp luật về giao thông đường bộ; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; mô phỏng các tình huống giao thông; kiến thức mới về xe nâng hạng;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

2. Kiểm tra kết thúc phần lý thuyết, phần thực hành được thực hiện sau khi học xong nội dung của từng phần hoặc kết thúc chương trình đào tạo; Trường hợp kết quả kiểm tra của học viên không đạt giáo viên trực tiếp giảng dạy bố trí cho học viên tự ôn luyện kiểm tra lại.

3. Điều kiện, nội dung, hình thức kiểm tra kết thúc phần lý thuyết, phần thực hành

a. Điều kiện để học viên được tham dự kiểm tra kết thúc môn lý thuyết:

Người học lái xe được kiểm tra kết thúc môn học khi tham dự ít nhất 70% thời gian học các môn lý thuyết

b. Điều kiện để học viên được tham dự kiểm tra kết thúc các bài thi thực hành:

- Học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái;

- Học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường;

- Hoàn thành thời gian học thực hành lái xe trên ca bin điện tử;

4. Hình thức kiểm tra

a. Kiểm tra kết thúc phần lý thuyết

- Bài kiểm tra lý thuyết: Kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính;

- Bài kiểm tra mô phỏng các tình huống giao thông: Kiểm tra trên máy tính theo phần mềm sát hạch mô phỏng 120 tình huống giao thông đường bộ.

b. Kiểm tra kết thúc phần đào tạo thực hành: Thực hiện các kỹ năng lái xe theo nội dung: Bài liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và bài lái xe trên đường.

5. Các bài kiểm tra lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông và các bài kiểm tra thực hành được thực hiện độc lập. Học viên có kết quả đạt bài kiểm tra nào thì được bảo lưu kết quả bài kiểm tra đó.

6. Kết quả kiểm tra kết thúc phần lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, kiểm tra kết thúc phần thực hành dùng để xét công nhận hoàn thành khóa đào tạo cho học viên:

a. Kiểm tra kết thúc phần lý thuyết theo phần mềm sát hạch lý thuyết do Cục đường bộ Việt Nam ban hành, được chấm điểm tự động trên máy vi tính, Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề thi có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra

đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài kiểm tra thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết. Cách tính điểm cụ thể như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1
Số câu hỏi	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

Điểm của bài kiểm tra được quy đổi về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số, cách tính cụ thể như sau:

- Hạng B, C1: $\text{Đ}_{\text{qd}} = 5 + 5/3 \times (\text{Đ}_{\text{đ}} - \text{Đ}_{\text{dt}})$;

- Hạng C, D1: $\text{Đ}_{\text{qd}} = 5 + 5/4 \times (\text{Đ}_{\text{đ}} - \text{Đ}_{\text{dt}})$

Trong đó:

- Đ_{qd} : Điểm quy đổi về thang điểm 10

- $\text{Đ}_{\text{đ}}$: Điểm đạt (tương ứng với số câu trả lời đúng trong bài kiểm tra);

- Đ_{dt} : Điểm đạt tối thiểu;

Trường hợp bị điểm liệt trong bài kiểm tra: Điểm của bài kiểm tra = 0

b) Kiểm tra phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Thực hiện làm bài trên phần mềm sát hạch mô phỏng 120 tình huống giao thông đường bộ do Cục đường bộ Việt Nam ban hành, chấm điểm tự động trên máy vi tính. Mỗi đề sát hạch có 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Cách tính điểm đạt cho 01 đề sát hạch cụ thể như sau:

Nội dung	Hạng B, C1, C, D1
Thời gian thực hiện	Theo thời gian trên đề sát hạch
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

Điểm của bài kiểm tra được quy đổi về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số, cách tính cụ thể như sau:

$$\text{Đ}_{\text{qd}} = 5 + (\text{Đ}_{\text{đ}} - \text{Đ}_{\text{dt}})/3$$

Trong đó:

- Đ_{qd} : Điểm quy đổi về thang điểm 10;

- Đ_d: Điểm đạt (tương ứng với số điểm trong bài kiểm tra);

- Đ_{dt}: Điểm đạt tối thiểu;

c) Kiểm tra thực hành lái xe trong hình (các bài thi liên hoàn):

- Thực hiện tại Sân tập lái xe của nhà trường, dùng xe ô tô tập lái không lắp thiết bị chấm điểm tự động; điểm kiểm tra của học viên do 01 giám khảo ngồi cùng xe ô tô tập lái với học viên đánh giá, chấm điểm trực tiếp hoặc bố trí giám khảo chấm điểm tại các vị trí bài sát hạch trên sân tập lái; điểm đạt từ 80 điểm trở lên;

- Trình tự thực hiện các bài kiểm tra

+ Đối với lái xe hạng B. Thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình gồm: Bài 1: Xuất phát; Bài 2: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ; Bài 3: Dừng và khởi hành xe ngang dốc; Bài 4: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc; Bài 5: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông; Bài 6: Qua đường vòng quanh co; Bài số 7: Ghép xe ngang vào nơi đỗ; Bài 8: Ghép xe dọc vào nơi đỗ; Bài 9: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua; Bài 10: Thay đổi số trên đường bằng; Bài 11: Kết thúc.

+ Đối với lái xe hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm: Bài 1: Xuất phát; Bài 2: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ; Bài 3: Dừng và khởi hành xe ngang dốc; Bài 4: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc; Bài 5: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông; Bài 6: Qua đường vòng quanh co; Bài số 7: Ghép xe vào nơi đỗ (*ghép dọc đối với hạng C1 và ghép ngang đối với hạng C, D1*); Bài 8: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua; Bài 9: Thay đổi số trên đường bằng; Bài 10: Kết thúc.

- Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C, D1
Thời gian thực hiện (phút)	18	20	15
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

Điểm của bài kiểm tra được quy đổi về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số, cách tính cụ thể như sau:

$$Đ_{qd} = 5 + (Đ_d - Đ_{dt})/4$$

Trong đó:

- Đ_{qd}: Điểm quy đổi về thang điểm 10;

- Đ_d: Điểm đạt (tương ứng với số câu trả lời đúng trong bài kiểm tra);

- Đ_{dt}: Điểm đạt tối thiểu.

d) Bài kiểm tra lái xe tiến lùi hình chữ chi: Thực hiện tại Sân tập lái xe của nhà trường, điểm kiểm tra của học viên do 01 giám khảo đánh giá, chấm điểm trực tiếp; thang điểm: 20; thời gian: không quá 10 phút; điểm đạt: từ 16 điểm trở lên.

Điểm của bài kiểm tra được quy đổi về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số, cách tính cụ thể như sau:

$$Đ_{qd} = 5 + 5/4x(Đ_d - Đ_{dt})$$

Trong đó:

- $Đ_{qd}$: Điểm quy đổi về thang điểm 10;
- $Đ_d$: Điểm đạt (tương ứng với số câu trả lời đúng trong bài kiểm tra);
- $Đ_{dt}$: Điểm đạt tối thiểu.

e) Bài kiểm tra lái xe trên đường: Thực hiện trên đoạn đường dài 2km, điểm kiểm tra của học viên do 01 giám khảo ngồi cùng xe ô tô tập lái với học viên đánh giá, chấm điểm trực tiếp; thang điểm: 20; điểm đạt: từ 16 điểm trở lên;

Điểm của bài kiểm tra được quy đổi về thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số, cách tính cụ thể như sau:

$$Đ_{qd} = 5 + 5/4x(Đ_d - Đ_{dt})$$

Trong đó:

- $Đ_{qd}$: Điểm quy đổi về thang điểm 10;

9. Thời gian kiểm tra kết thúc phần lý thuyết, phần thực hành, thời gian xét công nhận tốt nghiệp được quy định tại Kế hoạch đào tạo của từng khóa.

Điều 12 Quy trình xét tốt nghiệp

1. Hội đồng xét hoàn thành khóa đào tạo

Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét hoàn thành khóa đào tạo cho học viên học lái xe trước khi xét công nhận hoàn thành khóa đào tạo tối thiểu 02 ngày;

Hội đồng thực hiện nhiệm vụ xét công nhận học viên đủ điều kiện hoàn thành khóa đào tạo; Đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận hoàn thành khóa đào tạo cho học viên:

Thành phần Hội đồng gồm:

Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

Thư ký hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Đào tạo;

Thành viên hội đồng là: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa Cơ khí động lực và Vận hành ô tô - Máy thi công; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giáo viên chủ nhiệm lớp.

2. Quy trình xét hoàn thành khóa đào tạo

a. Phòng đào tạo tổng hợp kết quả đào tạo của học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, chưa hoàn thành chương trình đào tạo;

b. Hội đồng xét hoàn thành khóa đào tạo họp, xét công nhận danh sách học viên đủ điều kiện hoàn thành khóa đào tạo; Đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận hoàn thành khóa đào tạo cho học viên đủ điều kiện hoàn thành khóa đào tạo.

3. Điều kiện hoàn thành khóa đào tạo:

a. Điều kiện để học viên hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên, đã ký thanh lý hợp đồng với nhà trường;

b. Học viên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với nhà trường;

c. Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét hoàn thành khóa đào tạo.

Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được tổ chức xét Hoàn thành khóa đào tạo.

4. Học viên được công nhận hoàn thành khóa đào tạo được cấp giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục số XXIII, Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Phòng Đào tạo tham mưu báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe kèm danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) gửi Sở giao thông vận tải theo quy định.

CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Ban Giám hiệu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy chế này; tập thể và cá nhân có liên quan trong trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế này. Nếu làm trái với quy định trong quy chế thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý kỷ luật;

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp đề nghị bằng văn bản gửi Ban Giám hiệu (*qua phòng Đào tạo*) để tổng hợp trình Ban giám hiệu xem xét, quyết định.

